

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2021

V/v: “Ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Ng**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị Y**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(anh Tr và bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ng vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn*

Văn Tr trình bày:

Anh với chị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 02 tháng 01 năm 2012. Hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Năm 2015 do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chị Ng đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan giữa hai vợ chồng vẫn hòa thuận đến năm 2018 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau và bất đồng về kinh tế và cách nuôi dạy con cái. Từ thời điểm đó đến nay giữa anh và chị Ng không còn liên lạc qua lại với nhau nữa, không ai còn quan tâm tới cuộc sống của nhau khiến tình cảm vợ chồng xa cách, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay anh xác định cuộc sống giữa anh và chị Ng không có hạnh phúc, đã từ lâu không ai quan tâm đến ai vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Do vậy, anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh ly hôn chị Ng để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 05/11/2012. Hiện nay cháu Ánh L đang ở với ông bà ngoại. Khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng được nuôi con chung và ủy quyền cho mẹ chị Ng là bà Lê Thị Y thay mặt chị Ng nuôi dưỡng cháu Ánh L trong thời gian chị Ng ở nước ngoài anh hoàn toàn đồng ý. Anh Tr tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu Ánh L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 22315/QLXNC-P5 ngày 01/12/2020 thể hiện: chị Phạm Thị Ng, sinh ngày 05/7/1993 tại Hải Dương, CMND số 142681443, khai địa chỉ: H, N, Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số C0050730 cấp ngày 05/02/2015, có giá trị đến 05/02/2025; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 31/8/2018 qua cửa khẩu quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không cung cấp được địa chỉ của chị Ng tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Lê Thị Y là mẹ của chị Phạm Thị Ng, bà Y xác nhận chị Ng vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu bà Y cung cấp địa chỉ của chị Ng ở Đài Loan và yêu cầu chị Ng gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Tr nhưng bà Y không cung cấp được địa chỉ của chị Ng, chị Ng cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Y đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp

luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án bà Y xác định đã thông tin cho chị Ng biết, chị Ng có quan điểm nhất trí ly hôn với anh Tr và nhất trí nhận nuôi con chung là Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 05/11/2012. Trong thời gian chị Ng ở nước ngoài thì chị ủy quyền cho mẹ chị là bà Lê Thị Y thay mặt chị nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Bà Y đồng ý nhận sự ủy quyền của chị Nga để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ánh L, về tài sản chị Ng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị tham gia phiên tòa, Thẩm phán cơ bản đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và gửi đầy đủ các văn bản tố tụng, hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa.

- Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

- Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh Tr và chị Ng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Tr được ly hôn chị Ng; về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 05/11/2012 cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/1 tháng kể từ tháng 2/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không cung cấp được địa chỉ của chị Ng lao động tại Đài Loan. Theo hướng dẫn công văn

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án hai lần yêu cầu gia đình chị Ng cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục tố tụng giấu địa chỉ.

Anh Tr và bà Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Ng vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr, bà Y và chị Ng.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Anh Tr và chị Ng được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2012 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng. Về phía chị Ng cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của anh Tr. Chị Ng cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa anh Tr và chị Ng không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho anh Tr được ly hôn chị Ng theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Anh Tr và chị Ng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 05/11/2012. Hiện nay cháu đang ở với mẹ chị Ng là bà Lê Thị Y. Chị Ng có nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn và ủy quyền cho bà Y trong thời gian chị Ng ở nước ngoài thay mặt nuôi dưỡng chăm sóc Ánh L, chị Ng yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Bà Y đồng ý với sự ủy quyền của chị Ng. Anh Tr đồng ý với việc để con chung cho chị Ng nuôi dưỡng và chăm sóc và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Tr là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc giao con chung cho chị Ng nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tr không đề nghị nên HĐXX

không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Tr phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn Tr được ly hôn chị Phạm Thị Ng.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 05/11/2012 cho chị Phạm Thị Ng nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn)/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 2/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Tr được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

3. Chấp nhận ủy quyền của chị Ng cho bà Y: Tạm giao cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 05/11/2012 cho bà Lê Thị Y chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị Ng về Việt Nam.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được đối trừ số tiền 300.000đ anh Tráng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số

AA/2018/0004782 ngày 18/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Tr còn phải thi hành 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục thi hành án DS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khóa Nguyễn Thị Bích Liên

Phạm Thị Khánh Thiện

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải
Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường Thát Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Khánh Thiện

**BÁO CÁO AN
XÉT XỬ NGÀY 21/7/2020
TP. Phạm Thị Khánh Thiện**

- Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị Liên**, sinh ngày 16/3/1990.
HKTT: Khu dân cư Khang Thọ, phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, khu 6, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Trường**, sinh ngày 19/8/1981.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Khang Thọ, phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai chị Hoàng Thị Liên trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Văn Trường kết hôn vào ngày 09 tháng 6 năm 2015. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chí Minh, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và bất đồng quan điểm sống với nhau. Hiện nay anh Trường đi Nhật Bản làm ăn rất ít khi liên lạc về gia đình khiến tình cảm vợ chồng xa cách, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị xác định cuộc sống giữa chị và anh Trường không có hạnh phúc, đã từ lâu không ai quan tâm đến ai vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Do vậy, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn anh Trường để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Hà Vy, sinh ngày 12/01/2012. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Vy. Công việc của chị hiện nay là buôn bán mỹ phẩm với mức thu nhập 07 triệu/tháng đủ điều kiện để nuôi cháu Vy. Vì hiện nay anh Trường không ở Việt Nam nên chỉ có chị mới đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Vy. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Liên không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn Trường tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Nguyễn Thị Dung là bố mẹ của anh Nguyễn Văn Trường, ông Thịnh, bà Dung xác nhận anh Trường vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu ông Thịnh, bà Dung cung cấp địa chỉ của anh Trường ở Nhật Bản và yêu cầu anh Trường gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Liên, nhưng ông Thịnh, bà Dung không cung cấp được địa chỉ của anh Trường, anh Trường cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Thịnh,

bà Dung, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Thịnh, bà Dung xác định đã thông tin cho anh Trường biết, anh Trường có quan điểm nhất trí ly hôn với chị Liên và nhất trí giao con cho chị Liên nuôi, về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Liên không cung cấp được địa chỉ của anh Trường lao động tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án hai lần yêu cầu gia đình anh Trường cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị Liên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trường vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Liên và anh Trường.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị Liên và anh Nguyễn Văn Trường được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2015 tại UBND xã Chí Minh, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (Nay là phường Chí Minh, thành phố Chí Linh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Liên xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Trường. Về phía anh Trường cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị Liên. Anh Trường cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa chị Liên và anh Trường không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho chị Liên được ly hôn anh Trường theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Chị Liên và anh Trường có 01 con chung là Nguyễn Thị

Hà Vy, sinh ngày 12/01/2012. Do cháu Vy còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị Liên tuy là lao động tự do nhưng thu nhập ổn định đủ đảm bảo nuôi con; anh Trường không ở Việt Nam nên không thể chăm sóc con. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Liên về việc giao con chung cho chị Liên nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Liên không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị Liên không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Liên phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUAN ĐIỂM CỦA THẨM PHÁN

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Hoàng Thị Liên được ly hôn anh Nguyễn Văn Trường.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Hà Vy, sinh ngày 12/01/2012 cho chị Hoàng Thị Liên nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Liên không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trường được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Liên phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị Liên đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002773 ngày 02/7/2020 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị Liên đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

